

Hai trăm năm ra đời địa danh Hùng Ngự

Đỗ Kim Trường

Tên gọi Hùng Ngự xuất phát từ đâu? *Địa chí tỉnh Đồng Tháp* cho biết: “Theo truyền thuyết thì tên gọi Hùng Ngự bắt nguồn từ “Hùng Ngự” - nơi những người hùng cư ngụ. Những người hùng chính là những người đến đây khai phá đầu tiên, phần lớn là dân “trốn xâu, lậu thuế”, “dân cứng đầu, bất trị”, đứng ra là những người bị lưu đày. Sau một thời gian vật lộn với thiên nhiên, họ đã thật sự làm chủ vùng đất ấy nên cải thành địa danh “Hùng Ngự”, tức nơi những người hùng ngụ trị”.

Tra cứu các thư tịch cổ thấy địa danh Hùng Ngự được ghi nhận sớm nhất trong *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn. Đây là bộ sách gồm 8 quyển được chia làm 2 phần ghi chép các thông tin quan trọng về kinh tế và xã hội của Đàng Trong từ cuối XVI đến nửa sau thế kỷ XVII. Bộ sách được hoàn thành vào khoảng năm 1776. Đề cập đến tên Hùng Ngự, tác giả viết: “Về dinh Trấn-biên thuộc phủ Gia-định [...] Có đội Hùng ngụ thuộc vào đội ấy có 3 thuyền là Nhuệ nhất, Nhuệ nhị, Nhuệ tam để giữ Trường voi.”¹ Đây là tài liệu sớm nhất có tên Hùng Ngự và theo chúng tôi đây là tên gốc để rồi đọc trại ra thành Hùng Ngự và Hồng Ngự ngày nay. Tuy nhiên, đoạn dẫn trên chưa nói rõ đội Hùng Ngự đóng ở nơi nào của phủ Gia Định.

Thứ hai là *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức. Sách ghi chép rất công phu và tỉ mỉ về núi sông, khí hậu, hành

chính, thành trì, phong tục tập quán, tính cách và sinh hoạt của dân cư tại vùng Gia Định từ năm 1698 đến những năm đầu thế kỷ XIX. Có nhiều ý kiến khác nhau về thời gian biên soạn của sách, nhưng gần đây theo nhà nghiên cứu Yang Baoyun (Dương Bảo Quán) thuộc Đại học Bắc Kinh, Trung Quốc có thể tác phẩm được viết và xuất bản trong những năm 1820 – 1822⁽²⁾.

Liên quan đến địa danh Hùng (Hồng) Ngự, sách viết:

“Bạch Ngưu Giang (Sông Trâu Trắng): Ở bờ phía bắc Tiền Giang, cách trấn về phía tây 206 dặm rưỡi [...] Cách 19 dặm đến hạ lưu sông Đốc Vạn, 3 dặm nữa đến thượng lưu sông Đốc Vạn, 20 dặm đến đôn cũ Hùng Ngự (Hồng Ngự), 68 dặm đến sông Hiệp Ân và đôn mới Hùng Ngự (Hồng Ngự)”⁽³⁾.

“Vàm Gia (Sông Vàm Dừa): Ở thượng lưu sông Bát Chiên, [...] Sông ở trước đôn chia làm 2 nhánh: nhánh hướng tây chảy qua Ba Cầu Nôm rồi chảy ra Tiền Giang, đến thượng du đạo Tân Châu, ngược lên tới Nam Vang đến thành của quốc vương Cao Miên; nhánh hướng nam chảy xuống sông Hiệp Ân ra Tiền Giang, 70 dặm nữa đến đôn mới Hùng Ngự (Hồng Ngự)”⁽⁴⁾.

“Lê Công Giang Thượng Khẩu: Tục gọi là vàm Ông Chưởng; [...]. Trước cửa sông có cù lao nhỏ và nhân tên sông mà gọi tên cù lao ấy (cù lao Ông Chưởng), ở cách phía tây đạo Đông Khẩu 90 dặm rưỡi. Sông chảy vào nam 60 dặm

rưỡi đến hạ khẩu rồi hợp lưu với Hậu Giang. Bờ phía tây có sở thú Hùng Sai”⁽⁵⁾.

“Long Sơn Châu: Tục gọi là cù lao Cái Vừng, ở thượng lưu Tiền Giang [...] bờ phía tây là đôn mới Tân Châu, bờ phía đông là đôn mới Chiên Sai, bờ phía bắc là đôn mới Hùng Ngự (Hồng Ngự, ...”⁽⁶⁾.

Các trích dẫn trên ghi rất rõ địa danh Hùng (Hồng) Ngự và còn mô tả vị trí của thủ sở này ở bờ sông Hiệp Ân.

Tài liệu thứ ba là *Đại Nam nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn. Sách này soạn sau *Gia Định thành thông chí* khoảng 90 năm⁽⁷⁾, các sử quan đã dựa vào trước tác của Trịnh Hoài Đức khi ghi chép về địa danh Hùng Ngự, tuy có khác về khoảng cách so sánh nhưng nội dung tương tự, cụ thể như sau:

“Sông Vàm Dừa: Ở phía Tây huyện Kiến Hưng 213 dặm, là thượng lưu sông Bát Chiên, làm ranh giới cực Tây cho tỉnh. Khi trước có đặt thủ Phong Kha Minh, nay là bảo Trấn Nguyên để phòng người Hán và người Man. Năm Gia Long thứ 18 (1819), dời thủ Thông Bình đến Vàm Dừa tiếp giáp Cao Man, viễn ứng với đạo Tân Châu ở Tiền Giang để tiện báo tin ngoài quan ải. Phía Tây chia thành hai nhánh: Nhánh phía Tây chảy qua Ba Cầu, theo hướng Nam, đổ ra Tiền Giang, ngang thượng lưu đạo Tân Châu, ngược dòng đến sông Nam Vang. Nhánh phía Nam xuống đến sông Hiệp Ân, chảy ra Tiền Giang 70 dặm, đến thủ sở

Năm Tân Sửu (1841) Ở phía đông kinh thành Huế có cầu Đông Hoa, có phố Đông Hoa

Nguyễn Văn Nghệ

Tạp chí *Xưa & Nay* số 485 tháng 7-2017 có bài viết “Có hay không việc ký húy tên chợ Đông Ba ở Huế?” của tác giả Tôn Thất Thọ. Tác giả Tôn Thất Thọ cho là trong quá khứ ở Huế không có cái chợ nào mang tên Đông Hoa mà chỉ có chợ Đông Ba mà thôi: “Còn tên của chợ mà tác giả Đinh Duy phổ biến trên trang *thuathienhueonline* cho là chợ ban đầu có tên là Đông Hoa, vì ký húy tên vợ vua Minh Mạng (Hồ Thị Hoa) nên đổi lại thành Đông Ba thì không chính xác”. Tác giả đã trưng dẫn chứng: “Theo trích dẫn trong sách *Đại Nam thực lục ở trên*⁽¹⁾, năm 1837, tức là thời gian vua Minh Mạng đang trị vì, Quốc sử quán đã chép là phố Đông Ba, cầu Đông Ba rồi (*Đại Nam nhất thống chí* chép là Đông Gia). Như thế tên Đông Ba đã có từ năm 1837 do vua đặt, và qua thời gian, chợ được gọi tên là Đông Ba, chứ không thấy một

tài liệu nào ghi tên cũ của chợ là Đông Hoa cả!”

Để tìm hiểu có tên cầu Đông Hoa và phố Đông Hoa hay không? Trước tiên chúng ta tạm sử dụng tên Đông Ba và để gọi đúng theo thời điểm lịch sử lúc ấy thì phải gọi là “phố Đông Ba” chứ không phải “chợ Đông Ba”. Trong mục “chợ phố” ở phủ Thừa Thiên, *Đại Nam nhất thống chí* chỉ ghi tên chợ Gia Hội chứ không có tên chợ Đông Ba. Bởi vì phố Đông Ba nằm trong khu vực chợ Gia Hội. Chợ Gia Hội gồm có ba phố: phố Gia Hội; phố Đông Ba; phố Đông Hội. Sau đó không gọi “phố” mà gọi là “hàng”: hàng Gia Hội; hàng Đông Ba; hàng Đông Hội.

Chợ Gia Hội xưa nằm ở “bờ phía đông sông Tả Hộ thành”⁽²⁾ tức là ở dọc đường Bạch Đằng hiện nay. Như vậy phố Đông Ba cũng nằm dọc đường Bạch Đằng chứ không phải bên đường

Huỳnh Thúc Kháng như nhiều người lầm tưởng!

Tác giả Tôn Thất Thọ dẫn chứng sách *Đại Nam thực lục*, nhưng tác giả lại quên rằng *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ* được soạn dưới triều vua Tự Đức và trong *Đệ nhị kỷ phạm lệ* đã ghi rõ: “Sách văn, chiếu dụ, có gặp chữ tên húy thì hoặc bỏ thiếu một nét, hoặc chiếu theo nghĩa văn đối dùng chữ khác. Đến như tên đất hoặc theo tên ngày nay hoặc bỏ thiếu một nét, duy chữ hoa (華) cùng nghĩa với chữ ba (葩) thì đổi làm chữ ba (葩); tên người thì đều đổi dùng chữ khác”⁽³⁾.

Do đó những văn bản dưới thời vua Minh Mạng trở về trước có từ “hoa” thì khi Quốc sử quán soạn *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, đệ tam kỷ*... đều sửa lại thành chữ “ba”. Ví dụ: Đông Hoa thành Đông Ba, Thúy Hoa thành Thúy Ba... ▶

Hùng Ngự⁽⁸⁾.

“Sông Bạch Ngự: Ở phía Tây huyện Kiến Phong 11 dặm, cùng ở bờ phía Bắc sông Tiền Giang. Sông rộng 11 trượng năm thước, khi nước lên sâu 14 thước, nước ròng sâu chín thước. Từ cửa sông chảy theo hướng Bắc 40 dặm, đến chằm Bi, 19 dặm đến sông Đốc Vạn Hạ, ba dặm đến sông Đốc Vạn Thượng; lại 10 trượng nữa

đến cù sở Hùng Ngự, 16 dặm đến sông Hợp An”⁽⁹⁾.

Qua các sử liệu trên, nguồn gốc của địa danh Hùng Ngự đã gần lộ rõ, đó là thủ/cù sở trong buổi đầu mở đất Tây Nam bộ của các chúa Nguyễn và lúc bấy giờ được sử cũ chép là Bảo Hùng Ngự.

“Bảo Hùng Ngự: Ở phía Tây huyện Kiến Đăng 91 dặm, phía

Đông rạch Hiệp Ân, chu vi 36 trượng hai thước, cao bốn thước, có hai cửa. Đầu năm Gia Long, đặt trụ sở của đạo ở miền Đốc Vạn Thượng và Đốc Vạn Hạ, sau dời đến đây. Năm Minh Mạng thứ 18 (1837), đặt làm chỗ thu quan thuế. Năm Thiệu Trị thứ hai (1842), đắp thành đất. Năm Tự Đức thứ nhất (1848) thì bỏ”⁽¹⁰⁾.

(Xem tiếp trang 66)

...“Người nước Nam không còn phải thể hiện ôn ào lòng trung thành của họ đối với nước Pháp, chỉ cần họ chấp nhận sự đô hộ Pháp. Yêu cầu họ phản khởi chấp nhận điều đó, như một ân huệ của Chúa hay một ân huệ của Thiên Hựu, tới mức khiến họ quên rằng họ đã từng có một Tổ quốc và không còn tiếc nuôi Tổ quốc ấy nữa, như thế có lẽ là một đòi hỏi quá đáng. Nhưng chấp nhận nó như một thực tế cần phải kinh cần nghiêng mình và cố gắng moi ra từ thực tế này phần lợi nhất có thể, đó là điều họ

làm hằng ngày bằng một thiện chí không mệt mỏi.

Việc nước Pháp xâm chiếm đất nước này đã thành một điều định mệnh mang tính lịch sử, đối với chúng tôi, sự hiện diện của Pháp ở đây hiện nay đã trở thành một tất yếu chính trị”...

Tôi không hề bịa đặt. Đề nghị báo *Xưa&Nay* đăng ý kiến của tôi để bạn đọc rõ, khỏi hiểu lầm.■

Dặng Minh Phương

Hai trăm năm ra đời... (Tiếp theo trang 47)

Việc di dời và xây dựng Bảo Hùng Ngự được Trịnh Hoài Đức ghi nhận: “Năm Gia Long thứ 17 (1818), phụng chỉ dời đạo Tân Châu đến cù lao Long Sơn, dời đạo Chiến Sai đến cửa trên sông Hiệp Ân, dời đạo Hùng (Hồng) Ngự đến cửa dưới sông Hiệp Ân, tháng 12 Khâm mạng Tả quân phó tướng, Trấn thủ trấn Vinh Thanh là Nguyễn Văn Xuân đắp đôn vuông Tân Châu, mỗi mặt dài 15 thước, cao 6 thước 5 tấc ta, chân dày 15 thước ta... Quy cách đôn Chiến Sai cũng phỏng theo đôn này, chỉ đôn Hùng (Hồng) Ngự hơi kém hơn, chỉ để làm nơi tuần tra, chưa xây thành đôn lũy”¹.

Năm 1929, Toàn quyền Đông Dương Pierre Marie Antoine Pasquier ký Nghị định phân cấp hành chính tỉnh Châu Đốc, nơi đây chính thức mang tên quận Hồng Ngự. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ,

Hồng Ngự vẫn là đơn vị hành chính quận/huyện, thuộc các tỉnh khác nhau. Đến ngày 30-4-2009, Hồng Ngự được Chính phủ phê duyệt chia thành hai phần cấp mới: thị xã Hồng Ngự và huyện Hồng Ngự cùng thuộc tỉnh Đồng Tháp. Diên cách từ khi địa danh Hồng Ngự ra đời đến nay ngót 200 năm lịch sử. Quá trình hình thành và phát triển của Hồng Ngự là từ đôn thủ biên giới đến sự ra đời của quận và nay là thị xã. Nối tiếp tiến trình lịch sử, Hồng Ngự hiện nay tiếp tục vươn lên trở thành đầu mối vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc của tỉnh Đồng Tháp, để tương lai không xa nơi đây sẽ trở thành thành phố vùng biên.■

CHÚ THÍCH:

1. Lê Quý Đôn (1959), *Phủ biên tạp lục*, người dịch: Ngô Lập Chí, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội,

tr.78.

2. Xem: Trịnh Hoài Đức (2006), *Gia Định thành thông chí*, người dịch: Lý Việt Dũng, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai, tr.8.

3. Trịnh Hoài Đức, *Sđd*, tr.60.

4. Trịnh Hoài Đức, *Sđd*, tr.62.

5. Trịnh Hoài Đức, *Sđd*, tr.80.

6. Trịnh Hoài Đức, *Sđd*, tr.91.

7. Năm ra đời của *Gia Định thành thông chí* chúng tôi căn cứ vào lời giới thiệu sách do Nxb. Tổng hợp Đồng Nai ấn hành năm 2006, tr.8 và *Dại Nam nhất thống chí* căn cứ vào Biểu dâng sách do Cao Xuân Dục, Lưu Đức Xứng tấu, Tập 1, Nxb. Lao Động in năm 2012, tr.24.

8. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Dại Nam nhất thống chí*, tập 2. Nxb. Lao Động 2012, tr.1708-1709.

9. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđd*, tr.1710.

10. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Sđd*, tr.1714-1715.

11. Trịnh Hoài Đức, *Sđd*, tr.219-220.

HỘP THƯ TÒA SOẠN

Thời gian qua từ ngày 15-8 đến 25-9, Tòa soạn Tạp chí *Xưa&Nay* đã nhận được thư, bài của: Cao Thiên Thái Minh, Hoàng Văn Sơn, Nguyễn Nhã, Nguyễn Đông Triều, Phan Mạnh Hùng, Trần Việt Ngạc, Nguyễn Đình Cơ, Trần Đức Thuận, Cao Văn Thức, Tôn Thất Thọ, Lưu Đình Tuấn (TP.HCM). Trương Minh Đạt (Hà Tiên). Đỗ Kim Trường, Nguyễn Hữu Hiếu (Đồng Tháp). Hồ Sĩ Hù (Nghệ An). Trần Minh Thu, Quách Thị Ngọc An, Nguyễn Đình Chú, Hoàng Hằng (Hà Nội). Hoàng Ngọc Cương (Đồng Nai). Lê Thị Bích Nga (Phú Yên). Hoàng Thị Tường Linh, Nguyễn Thị Tâm Hạnh, Đỗ Bang (Huê). Nguyễn Tiến Hữu (Bà Rịa – Vũng Tàu). Bùi Thị Mai (Đà Lạt). Đặng Hoàng Sang (Cần Thơ)...

Tòa soạn rất mong nhận được bài viết đã đánh máy vi tính của quý vị. Có thể gửi file qua địa chỉ E-mail: xuanay@yahoo.com hoặc tapchixuavanay@yahoo.com.

Xin chân thành cảm ơn và kính mong tiếp tục cộng tác.

X&N